TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 – 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Văn Hiển và ông Đỗ Sơn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phát Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Phạm Huỳnh Thúy A, sinh năm 1985 (CCCD 089185027244); địa chỉ thường trú: ấp LH1, phường TC, tỉnh An Giang; địa chỉ cư trú hiện nay: 335 EAST HAMPTON BLVD SASKATOON SK S7R 0B1 CANADA. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (theo giấy ủy quyền được Tổng lãnh sự quán nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại VANCOUVER, CANADA chứng nhận ngày 05/11/2025):

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994; địa chỉ: số 06, Nguyễn Du, khu phố BT, phường TB, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn H, sinh năm 2001; địa chỉ: số 06, Nguyễn Du, khu phố BT, phường TB, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: ông Phan Quang K, sinh năm 1981 (CCCD: 089081026402); địa chỉ thường trú: khóm CT, phường CĐ, tỉnh An Giang; địa chỉ cư trú hiện nay: 3393C PONDEROSA ST ABBOTSFORD BC V2T 5G2 CANADA. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn để nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (theo giấy ủy quyền được Tổng lãnh sự quán nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại VANCOUVER, CANADA chứng nhận ngày 14/01/2026):

1. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: số 84, đường số 14, khu nhà ở VP, phường HB, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2000; địa chỉ: số 84, đường số 14, khu nhà ở VP, phường HB, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Huỳnh Thúy A trình bày: bà A và ông Phan Quang K tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ, chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông K. Về con chung: có 01 người con chung tên Phan Huỳnh Tr Tường, sinh ngày 14/7/2011, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Quang K trình bày: thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân như bà Phạm Huỳnh Thúy A trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Do không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A, chấp nhận giao con chung Phan Huỳnh Tr Tường, sinh ngày 14/7/2011 cho bà A nuôi dưỡng, chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Phạm Huỳnh Thúy A là người Việt Nam, đang định cư, sinh sống tại Canada khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Quang K, là người Việt Nam, đang định cư, sinh sống tại Canada, đồng thời ông K có địa chỉ thường trú: khóm Châu Thới 3, phường CĐ, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết

số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà A và ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 181, ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Châu phú B, thành phố CĐ (nay là phường CĐ), tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Quá trình chung sống, bà A và ông K đều thừa nhận phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A, đồng thời cả hai đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Từ đó cho thấy, bà A, ông K cương quyết ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao.

[2.2] Về con chung: có 01 (một) con chung Phan Huỳnh Tr Tường, sinh ngày 14/7/2011, hiện đang sống cùng bà A, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng và ông K chấp nhận giao con chung cho bà A nuôi dưỡng. Xét thấy, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc giao con chung Phan Huỳnh Tr Tường, sinh ngày 14/7/2011 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: bà A và ông K thống nhất ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng là 8.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng, thời gian và phương thức cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi người được cấp dưỡng thuộc trường hợp chấm dứt cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà A, ông K thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Huỳnh Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Huỳnh Thúy A được ly hôn với ông Phan Quang K.

2. Về con chung: bà Phạm Huỳnh Thúy A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phan Huỳnh Tr Tường, sinh ngày 14/7/201102. Ông Phan Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Phan Huỳnh Tr Tường mỗi tháng 8.000.000đ (tám triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi người được cấp dưỡng thuộc trường hợp chấm dứt cấp dưỡng.

Bà Phạm Huỳnh Thúy A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Quang K trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí dân sự:

Bà Phạm Huỳnh Thúy A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 163 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà A đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Quang K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát KV13-AG;
- Thi hành án Dân sự KV13-AG;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường CĐ;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang